

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC**



**TÀI LIỆU HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Vĩnh Long, ngày 5 tháng 6 năm 2025

Số: 67/TB-CNVL

Vĩnh Long, ngày 05 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;
Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông tới tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

1. Thông tin doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long
- Địa chỉ: Số 02 Hưng Đạo Vương, Phường 1, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
- Mã số doanh nghiệp: 1500174831

2. Thời gian: Lúc 7 giờ 30 phút, Thứ sáu ngày 27/6/2025.

3. Nội dung chính của Đại hội: (Xem chi tiết nội dung chương trình kèm theo)

4. Tài liệu Đại hội: Được đăng trên website: <http://www.capnuocvl.com.vn>.

5. Xác nhận tham dự Đại hội: Để công tác tổ chức Đại hội được thuận lợi và chu đáo, kính đề nghị Quý cổ đông vui lòng đăng ký xác nhận việc tham dự Đại hội hoặc ủy quyền (theo mẫu), gửi về văn phòng Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long trước 11 giờ ngày 26/6/2025 theo địa chỉ sau:

Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long

Địa chỉ: 02 Hưng Đạo Vương - Phường 1-TP Vĩnh Long – Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại: 0270.3822583 – 0270.3827777

Fax : 0270.3829432

Email: capnuocvl@gmail.com

Cổ đông tham dự Đại hội có mặt tại địa điểm tổ chức Đại hội vào lúc 7 giờ 30 phút và xin vui lòng mang theo Giấy mời họp; CCCD/hộ chiếu (bản gốc). Đối với người được ủy quyền, đề nghị mang theo Giấy ủy quyền (bản gốc) và CCCD/hộ chiếu (bản gốc).

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.





Vĩnh Long, ngày 27 tháng 6 năm 2025

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Thời gian: Bắt đầu vào lúc 7 giờ 30 phút, Thứ sáu, ngày 27/6/2025.

Địa điểm: Số 02 Đường Hưng Đạo Vương, Phường 1, TP Vĩnh Long.

Thời gian 7h30-11h00	Nội dung	Thực hiện
I. Chuẩn bị (7h30-8h)	<ul style="list-style-type: none">- Đón tiếp đại biểu- Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông- Phát tài liệu Đại hội	Ban tổ chức
II. Khai mạc (8h-8h20)	<ul style="list-style-type: none">- Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu.- Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, tuyên bố Đại hội đủ điều kiện tiến hành.- Giới thiệu Chủ tọa Đại hội.- Chủ tọa Đại hội giới thiệu Đoàn chủ tịch, Ban thư ký Đại hội.- Chủ tọa Đại hội giới thiệu Ban kiểm phiếu và thông qua biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông	Ban tổ chức Ban tổ chức Ban tổ chức Chủ tọa ĐH Chủ tọa ĐH
III. Nội dung (8h20-10h00)	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua chương trình Đại hội- Thông qua Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội- Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2024.- Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2024.- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024.- Tờ trình việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và mức trả cổ tức năm 2024.- Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.- Tờ trình Đại hội đồng cổ đông xem xét ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2025.- Tờ trình thù lao thành viên HĐQT, BKS, Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký năm 2025.- Tờ trình sửa đổi Điều lệ công ty- Tờ trình việc chấp thuận cho Công ty CP-Tổng Công ty Nước-Môi trường Bình Dương (BIWASE) được nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty cổ phần Xây lắp-điện BIWASE tại Công ty CP cấp nước Vĩnh Long mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.- Đại hội thảo luận và biểu quyết	Đoàn chủ tịch Đoàn chủ tịch Đoàn chủ tịch Trưởng BKS Đoàn chủ tịch Đoàn chủ tịch Đoàn chủ tịch Đoàn chủ tịch Đoàn chủ tịch Đoàn chủ tịch Đoàn chủ tịch
(10h-10h30)	<ul style="list-style-type: none">- Đại hội nghỉ giải lao; Ban kiểm phiếu kiểm phiếu biểu quyết	

(10h30-10h45)	- Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các tờ trình	Ban kiểm phiếu
IV. Bế mạc (10h45-11h)	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Biên bản Đại hội. - Thông qua Nghị quyết Đại hội. - Tuyên bố bế mạc Đại hội. 	Ban Thư ký Ban Thư ký Chủ tọa ĐH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ / ỦY QUYỀN

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025

của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long

Cổ đông:

Địa chỉ:

Số CMND/DKKD: Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Số cổ phần sở hữu:CP

Căn cứ Giấy mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày 27/6/2025; xin trả lời về việc tham dự Đại hội như sau: (đánh dấu X vào ô vuông).

☐ **Người được ủy quyền:**

☐ Ông Đặng Tấn Chiến Chủ tịch HĐQT

☐ Người tham dự khác:

Tên người được ủy quyền: Mã số cổ đông (nếu có):

Số CMND: Ngày cấp: / / Nơi cấp:

☐ **Trực tiếp tham dự**

Người được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức ngày 27/6/2025 và biểu quyết đối với các vấn đề thuộc nội dung chương trình Đại hội.

Lưu ý: Khi tham dự Đại hội, Quý cổ đông (hoặc người được ủy quyền) cần mang theo giấy này và CMND (hoặc hộ chiếu) để Ban tổ chức làm thủ tục đăng ký cổ đông.

....., ngày ... tháng năm 2025

Người được ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cổ đông
(Ký, ghi rõ họ tên)

TP. Vĩnh Long, ngày 05 tháng 6 năm 2025

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG**

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Căn cứ điều lệ của Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long.*

Để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long diễn ra nhanh chóng, thuận lợi, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Ban tổ chức Đại hội kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội với các nội dung chính như sau:

I. NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI:

Các Cổ đông/Người nhận ủy quyền của Cổ đông khi đến tham dự Đại hội có quyền và nghĩa vụ tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định tại Luật doanh nghiệp. Các nội dung chính cần Đại hội thảo luận và biểu quyết bao gồm:

- Biểu quyết thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội; Chương trình Đại hội; Bầu Chủ tọa, Đoàn chủ tịch, Ban thư ký; Ban bầu cử
- Thảo luận và biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình, Biên bản và Nghị quyết của Đại hội.
- Biểu quyết thông qua các vấn đề khác tại Đại hội.

Cổ đông tham dự Đại hội, trang phục phải lịch sự trang nhã và tuân theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức, ứng xử văn minh, không gây mất trật tự. Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa, Đoàn chủ tịch, tôn trọng kết quả biểu quyết của Đại hội.

II. CÁC QUY ĐỊNH TẠI ĐẠI HỘI:

1. Đăng ký tham dự Đại hội và điều kiện để tổ chức Đại hội:

1.1. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long theo danh sách cổ đông chốt đến ngày 29/5/2025 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chi nhánh TP HCM (CN VSDC).

Cổ đông có tên trong danh sách trên được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác để tham dự Đại hội.

1.2. Thủ tục đăng ký tham dự Đại hội

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Căn cước công dân hoặc hộ chiếu;
- Bản chính Phiếu đăng ký/Giấy ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

b. Các cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự Đại hội phải đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông và xuất trình các giấy tờ trên để nhận Tài liệu Đại hội.

- Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, trong đó:
 - Thẻ biểu quyết (Có thông tin về Mã số biểu quyết; Số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và/hoặc được ủy quyền))
 - Phiếu biểu quyết (Có thông tin về nội dung các vấn đề cần biểu quyết thông qua hình thức đánh dấu vào ô tương ứng (tán thành, không tán thành, không có ý kiến)).

Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến trễ sau khi Đại hội đã khai mạc thì sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp sẽ được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

1.3. Điều kiện để tổ chức Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp và ủy quyền tham dự đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo Danh sách cổ đông chốt quyền ngày 29/5/2025.

2. Ban tổ chức Đại hội

2.1. Chủ tọa, Đoàn chủ tịch:

- Chủ tọa, Đoàn chủ tịch do Đại hội đồng cổ đông bầu, thực hiện điều hành Đại hội đồng cổ đông.
- Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn chủ tịch:

Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự và thành công tốt đẹp, đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

Trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

2.2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội do Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập. Ban thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội có trách nhiệm:

- Kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt quyền ngày 29/5/2025;

- Phát tài liệu Đại hội và các Thẻ biểu quyết;

- Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

2.3. Ban Thư ký Đại hội

- Ban Thư ký Đại hội do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua

- Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, Đoàn chủ tịch bao gồm:

Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ các nội dung tại Đại hội.

Công bố Biên bản và Dự thảo Nghị quyết Đại hội.

Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông.

2.4. Ban Kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.

- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa, Đoàn chủ tịch, Ban thư ký kết quả biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội.

3. Thảo luận và phát biểu ý kiến tại Đại hội.

Tại Đại hội, cổ đông hoặc người được ủy quyền có quyền thảo luận và phát biểu ý kiến nhưng phải tuân thủ các quy định sau:

- Được sự chấp thuận của chủ tọa;

- Phải nêu tên, mã số cổ đông trước khi phát biểu;

- Nội dung phát biểu phải ngắn gọn, phù hợp với chương trình Đại hội và tránh trùng lặp với các nội dung đã được phát biểu trước;

- Thời gian phát biểu không quá 03 phút cho 01 lần phát biểu;
- Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào giấy để chuyển cho Ban thư ký tập hợp.

4. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội.

4.1. Thẻ lệ biểu quyết

Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua bằng cách: Lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc đại diện cho cổ đông tham dự Đại hội bằng Thẻ biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu.

4.2 Hình thức biểu quyết: Có 2 hình thức là giơ thẻ và bỏ phiếu

- Giơ thẻ biểu quyết: Biểu quyết nội dung bầu Chủ tọa đại hội, Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu; thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc tại Đại hội, Báo cáo của HĐQT, Báo cáo của BKS, Biên bản và Nghị quyết Đại hội, các vấn đề khác tại Đại hội mà không áp dụng hình thức bỏ phiếu.

- Bỏ phiếu: Biểu quyết nội dung các Tờ trình tại Đại hội;

4.3 Cách thức biểu quyết:

- Giơ thẻ: theo hướng dẫn của Chủ tọa, Đoàn chủ tịch, cổ đông lần lượt biểu quyết 01 lần cho 01 vấn đề (*tán thành, không tán thành hay không có ý kiến*) bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết, mặt trước của thẻ biểu quyết phải được hướng về phía Chủ tọa, Đoàn chủ tịch.

- Bỏ phiếu: Biểu quyết bằng cách lựa chọn đánh dấu “X” vào ô tương ứng trên Phiếu biểu quyết (*tán thành, không tán thành hay không có ý kiến*). Cổ đông bỏ Phiếu biểu quyết đã được đánh dấu chọn vào thùng phiếu theo hướng dẫn.

5. Nguyên tắc thông qua các nội dung xin ý kiến Đại hội

Cổ đông, đại diện cho cổ đông có quyền tham dự Đại hội đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội, quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu.

Các nội dung trình Đại hội sẽ được lấy ý kiến biểu quyết và chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

6. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên

- Biên bản và Nghị quyết họp đại hội đồng cổ đông thường niên phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

- Biên bản và Nghị quyết họp đại hội đồng cổ đông thường niên được lưu giữ tại Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long và sẽ được đăng tải lên Website của Công ty.

Quy chế này sẽ chính thức có hiệu lực và được áp dụng ngay tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Cấp nước Vĩnh Long sau được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Các cổ đông, thành viên Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long chịu trách nhiệm thi hành./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đặng Tấn Chiến

Số: 01 /BC-HDQT

Vĩnh Long, ngày 05 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;
- Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/6/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc quản trị điều hành công ty năm 2024, như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG
- Tên viết tắt: VWACO
- Mã cổ phiếu: VLW
- Địa chỉ: Số 02 Hưng Đạo Vương, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
- Số điện thoại: (0270) 382 2583
- Số fax: (0270) 382 9432
- Website: www.capnuocvl.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1500174831
- Vốn điều lệ: 289.000.000.000 đồng; số lượng cổ phần 28.900.000 cổ phần; mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Trong đó cơ cấu cổ phần tại ngày 31/12/2024:

- + UBND tỉnh Vĩnh Long: 14.739.000 cổ phần, chiếm tỉ lệ 51%
- + Công ty Cổ phần Xây lắp - Điện Biwase: 9.725.862 cổ phần, chiếm tỉ lệ 33,65%.
- + Công ty Cổ phần nước và môi trường Đồng Bằng: 1.445.000 cổ phần, chiếm tỉ lệ 5%.
- + Cổ đông khác: 2.990.038 cổ phần, chiếm tỉ lệ 10,35%
- Mã cổ phiếu: VLW
- Sàn giao dịch: Upcom

2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh nước sạch; Sản xuất nước uống đóng chai; kinh doanh nước uống đóng chai; thi công xây lắp các công trình hạ tầng kỹ thuật; đầu tư xây dựng các dự án cấp nước; kinh doanh các dự án cấp nước; dịch vụ tư vấn,

thiết kế, giám sát, quản lý dự án các công trình kỹ thuật hạ tầng; kinh doanh thiết bị, vật tư chuyên ngành nước.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý :

- Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Tổng giám đốc.

II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

1. Thành viên cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu, đại diện	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết
1	Đặng Tấn Chiến	Chủ tịch HĐQT	- Cổ phần cá nhân sở hữu	322.822	1,12%
			- Cổ phần đại diện UBND tỉnh Vĩnh Long	11.791.200	40,80%
2	Lê Thị Quyến	Thành viên HĐQT	- Cổ phần cá nhân sở hữu	15.300	0,05%
3	Văn Kim Hùng Phong	Thành viên HĐQT	- Cổ phần đại diện công ty cổ phần Xây lắp Điện Biwase	9.725.862	33,65%
4	Trần Tấn Đức	Thành viên HĐQT	-	-	-
5	Nguyễn Tấn Phát	Miễn nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 27/6/2024			

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

2.1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Họ Tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ%
1	Đặng Tấn Chiến	Chủ tịch HĐQT	8/8	100%
2	Lê Thị Quyến	Thành viên HĐQT	8/8	100%
3	Văn Kim Hùng Phong	Thành viên HĐQT	8/8	100%
4	Trần Tấn Đức	Thành viên HĐQT	8/8	100%
5	Nguyễn Tấn Phát	Thành viên HĐQT	-	-

- Ông Nguyễn Tấn Phát đã nghỉ hưu từ ngày 01/01/2024 và có đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 01/01/2024, được Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm ngày 27/6/2024.

2.2. Các nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2024

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
Các Nghị quyết:			

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	27/03/2024	Về việc thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.
2	02/NQ-HĐQT	29/03/2024	Về việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
3	03/NQ-HĐQT	13/05/2024	Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
4	04/NQ-HĐQT	18/05/2024	V/v Các vấn đề thông qua đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và việc mở các gói thầu để đánh giá theo Luật đấu thầu
5	05/NQ-HĐQT	03/07/2024	V/v chọn đơn vị kiểm toán soát xét BCTC giữa niên độ và BCTC năm 2024
6	06/NQ-HĐQT	22/07/2024	V/v trả cổ tức bằng tiền năm 2023 cho cổ đông Công ty CP Cấp nước Vĩnh Long
7	08/NQ-HĐQT	09/09/2024	V/v thanh lý tài sản, vật tư không cần dùng
8	09/NQ-HĐQT	31/12/2024	V/v triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường
Các Quyết định:			
1	Các Quyết định phục vụ công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh năm 2024 thuộc thẩm quyền của người đại diện pháp luật, Chủ tịch HĐQT công ty.		

2.3. Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị

- Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị công ty, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nêu cao tinh thần trách nhiệm trước cổ đông, triển khai thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

- Hội đồng quản trị đã bám sát tình hình thực tế, vận dụng sáng tạo điều kiện cơ sở vật chất hiện có huy động tối đa công suất các nhà máy để sản xuất và cung cấp nước sạch cho người dân trên địa bàn được giao quản lý; quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của doanh nghiệp để đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân tại các đô thị Tỉnh.

- Trong công tác tài chính, Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật; đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

- Các chế độ báo cáo được lập đầy đủ và kịp thời theo quy định của Luật Kế toán và Luật Chứng khoán, phục vụ tốt cho công tác lãnh đạo điều hành và quản trị nội bộ.

- Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được thực hiện đúng quy định, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của công ty.

- Thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nước thất thoát thất thu, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp phù hợp như: tập trung triển khai các dự án sửa chữa, nâng cấp mạng lưới cấp nước; kiểm soát các khu vực đã phân vùng tách mạng; tăng cường công tác dò tìm và sửa chữa ống bể..., nhận thức được trách nhiệm và tầm quan trọng của đơn vị đối với xã hội, Công ty đã phát huy tối đa tính sáng tạo, xây dựng đơn vị cấp nước vững mạnh và vì

cộng đồng.

- Thực hiện đúng các quy định về cấp nước, mở thêm kênh thanh toán tiền nước thông qua việc liên kết với các ngân hàng và các dịch vụ thu hộ, tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng có thể thanh toán tiền nước mọi lúc, mọi nơi.

- Hoàn thành chỉ tiêu hộ dân được cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh, góp phần nâng cao đời sống của nhân dân trên địa bàn Tỉnh.

2.4. Công tác quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc

- Ban Tổng giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, quyết định, các văn bản chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc luôn thực hiện theo đúng kế hoạch đã được thông qua.

- Định kỳ hàng tháng, Ban Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như trình bày phương hướng hoạt động để Hội đồng quản trị xem xét tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thông qua báo cáo tài chính hàng quý, năm. Từ đó, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính Công ty, luôn trong thế chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.5. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc

HĐQT thường xuyên giám sát công tác điều hành quản lý, chỉ đạo tổ chức thực hiện sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và các Nghị quyết chỉ đạo của HĐQT trong quá trình thực thực nhiệm vụ.

Qua quá trình giám sát năm 2024, HĐQT đánh giá kết quả như sau:

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2024 phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, tuân thủ đúng quy định của Luật Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT.

- Định kỳ hàng quý, 6 tháng Ban Tổng Giám đốc báo cáo tình hình hoạt động đến thời điểm hiện tại và phương hướng thực hiện trong thời gian tới trình HĐQT để xem xét, đánh giá và đề ra giải pháp kịp thời nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích cho cổ đông, thu nhập cho người lao động, đồng thời hoàn thành nhiệm vụ chính trị của nhà nước giao trên địa bàn tỉnh.

- Ban điều hành công ty đã có sự phân công trách nhiệm rõ ràng (theo Quyết định số: 48/QĐ-CN ngày 26/07/2021 về việc phân công nhiệm vụ trong Ban điều hành doanh nghiệp). Qua đó nhận thấy người quản lý theo từng chức danh đã phát huy được vai trò quản lý điều hành trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ % TH24/K H24	Tỷ lệ % TH24/TH 23
1	Sản lượng nước sạch tiêu thụ	m3	18.720.136	18.650.000	19.087.583	102,35%	101,96%
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu/đ	213.793	214.329	219.456	102,39%	102,65%
	Trong đó doanh thu nước sạch	Triệu/đ	172.025	172.221	176.949	102,75%	102,86%

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ % TH24/K H24	Tỷ lệ % TH24/TH 23
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu/đ	87.767	87.859	89.147	101,47%	101,57%
	<i>Trong đó lợi nhuận nước sạch</i>	Triệu/đ	60.569	63.844	63.357	99,24%	104,60%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu/đ	80.924	71.666	73.100	102,00%	90,33%
5	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu/đ	19.957	26.376	26.604	100,86%	133,30%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	%	28,00%	24,80%	25,29%	102,00%	90,33%
7	Vốn điều lệ	Triệu/đ	289.000	289.000	289.000	100,00%	100,00%

- Sản lượng nước sạch tiêu thụ đạt 102,35% so với kế hoạch và đạt 101,96% so với năm 2023.

- Tỷ lệ thất thoát nước: 15,1%

- Tổng doanh thu đạt 102,39% so với kế hoạch và đạt 102,65% so với năm 2023.

Trong đó: Doanh thu từ hoạt động sản xuất nước sạch là 176,95 tỷ đồng, đạt 102,75% so với kế hoạch và đạt 102,86% so với năm 2023.

- Lợi nhuận trước thuế TNDN đạt 101,47% so với kế hoạch và đạt 101,57% so với năm 2023.

2. Trả cổ tức

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, công ty đã thực hiện chi trả 16,22% cổ tức năm 2023 cho cổ đông bằng tiền mặt theo đúng quy định.

3. Đầu tư phát triển hệ thống cấp nước trên địa bàn tỉnh.

- Công tác đầu tư phát triển mở rộng mạng lưới ống phân phối năm 2024 đạt 35.292 m với giá trị là 12.624 triệu đồng; lắp đặt mới đồng hồ nước là 1.939 hộ với giá trị 4.768 triệu đồng nâng tổng số khách hàng thuộc vùng công ty phục vụ đến ngày 31/12/2024 là 83.227 hộ.

- Tỷ lệ dân số được cấp nước tại đô thị: Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch bình quân trong vùng phục vụ theo thỏa thuận trên địa bàn của tỉnh đạt 95% (khu vực đô thị là 99,5%) với mức nước bình quân thực tế 110 lít/người/ngày (khu vực đô thị là 105 lít/người/ngày).

- Các dự án cấp nước đã được ĐHĐCĐ thông qua đã và đang thực hiện đến ngày 31/12/2024:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư
1	Xây dựng cải tạo, nâng công suất nhà máy nước Vũng Liêm từ 3.000 m ³ /ngđ lên 9.600 m ³ /ngđ	70.000
2	Xây dựng nhà máy nước Trường An 2	125.000
3	Cải tạo trạm bơm cấp I - Tuyến ống nước thô, NMN Hưng Đạo Vương	15.000

4	Tuyến ống DN150 bổ sung lưu lượng nước cho khu vực Phú Đức	4.800
	Tổng cộng	214.800

- Các dự án cấp nước đã được ĐHDCĐ thông qua chưa thực hiện chuyển sang năm kế tiếp:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư
1	Xây dựng cải tạo, nâng công suất cụm xử lý nhà máy nước Hưng Đạo Vương từ 18.000 m ³ /ngđ lên 24.000 m ³ /ngđ.	20.000
2	Cải tạo trạm bơm cấp II - NMN Hưng Đạo Vương	8.000
3	Cải tạo Trạm bơm cấp II - NMN Trà Ôn	2.000
4	Xây dựng bể chứa nước sạch 2.000m ³ - NMN Trà Ôn	9.000
5	Hệ thống giám sát (SCADA) các NMN khu vực Thành phố Vĩnh Long.	3.500
6	Xây dựng phòng thí nghiệm đạt ISO 17025	2.000
7	Xây dựng Trạm biếp áp 630 kVA, Nhà máy nước Hưng Đạo Vương	1.500
8	Cải tạo trạm bơm cấp 2, Nhà máy nước Tam Bình	2.000
9	Sơn sửa các hạng mục và cải tạo, nâng cấp sân đường nội bộ CNCN Tam Bình	1.000
	Tổng cộng	49.000

4. Công tác quản lý tài chính

Công tác quản lý tài chính trong năm 2024 luôn được Hội đồng quản trị chú trọng đúng mức, công tác kiểm toán, kiểm soát các chỉ tiêu tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản thường xuyên được tăng cường, công khai minh bạch đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật...

5. Công bố thông tin

- Hội đồng quản trị đã tuân thủ đúng quy định việc công bố thông tin của công ty đại chúng đầy đủ kịp thời theo quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Toàn bộ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như công tác quản lý, điều hành công ty đều được công khai trên trang thông tin điện tử của công ty tại địa **chỉ <http://capnuocvl.com.vn>**, trang công bố thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (CIMS), Hệ thống công bố thông tin các doanh nghiệp nhà nước của Bộ tài Chính.

6. Thuận lợi, khó khăn.

Thực hiện tốt công tác vận hành, khai thác hệ thống cấp nước và công tác đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước, cụ thể sản lượng nước sạch tiêu thụ năm 2024 đã sản xuất và cung cấp đến người tiêu dùng 19.087.583 m³ đạt 102,39% so với kế hoạch.

Công tác phát triển mạng lưới ống phân phối và lắp đặt đồng hồ nước để mở rộng sản xuất kinh doanh đến ngày 31/12/2024 công ty đã đạt 83.227 hộ khách hàng sử dụng nước

trong toàn đô thị Tĩnh (*không kể TX Bình Minh, Huyện Bình Tân và Huyện Mang Thít*). Nâng tỷ lệ dân số được cấp nước sạch trên địa bàn đô thị tỉnh Vĩnh Long lên 99,5% với mức nước bình quân thực tế 110lít/người/ngày (khu vực đô thị là 105 lít/người/ngày).

Thực hiện tốt công tác duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị định kỳ và khắc phục các sự cố hư hỏng, duy trì sự hoạt động cấp nước liên tục tại các đô thị đảm bảo cung cấp nước cho nhân dân trong sinh hoạt và các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn đô thị tỉnh Vĩnh Long.

Tuy nhiên, Công ty vẫn còn vướng phải các vấn đề khó khăn nhất định như tình hình xâm nhập mặn kéo dài làm ảnh hưởng đến nguồn nước mặt khai thác tại các nhà máy xử lý nước; chất lượng nguồn nước thô bị ô nhiễm khá nặng so với tiêu chuẩn nhà nước quy định đặc biệt là chất hữu cơ và kim loại nặng dẫn đến tăng định mức nguyên liệu xử lý nước.

Áp lực về chỉ tiêu trả cổ tức hàng năm bắt buộc Công ty phải thực hiện chính sách quản trị doanh nghiệp thật tốt, tính toán và thực hiện giảm tối đa chi phí để tăng lợi nhuận. Nhưng bên cạnh đó vẫn phải đảm bảo nguồn vốn đầu tư mở rộng quy mô cung cấp nước, tích lũy để trả nợ gốc vốn vay, trả lãi vay Ngân hàng và đảm bảo tiền lương, thu nhập cho người lao động.

Nguồn vốn để thực hiện các công trình cấp nước trước đây chủ yếu là nguồn vốn do ngân sách nhà nước cấp. Sau khi cổ phần hóa, nguồn vốn này không được bổ tri tiếp nên Công ty phải tiếp tục thực hiện bằng các nguồn vốn vay, nguồn vốn tích lũy hoặc phát hành thêm cổ phần để huy động vốn của cổ đông nên đòi hỏi Công ty phải cân đối, phân kỳ đầu tư, ưu tiên các công trình cấp thiết thì thực hiện trước nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh giao đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sạch cho người dân và hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp.

Tình hình giá cả các mặt hàng như: Nguyên liệu, hóa chất, điện năng ...tăng làm cho chi phí sản xuất của công ty tăng đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. BÁO CÁO TIỀN LƯƠNG, TIỀN THUỞNG, THÙ LAO CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT

Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty, Ban kiểm soát được trả theo đúng quy định của pháp luật năm 2024

	Tiền lương (ĐVT: Đồng)	Thù lao (ĐVT: Đồng)	Tổng cộng (ĐVT: Đồng)
Hội đồng quản trị	536.931.746	216.000.000	752.931.746
Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác	1.342.329.364	0	1.342.329.364
Ban Kiểm soát	477.272.663	72.000.000	549.272.663
Tổng cộng	2.356.533.773	288.000.000	2.644.533.773

V. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Năm 2025, nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng tiếp tục chuyển biến tích cực và tăng trưởng. Tuy nhiên doanh nghiệp sẽ đối mặt với nhiều rủi ro tiềm ẩn các chi phí đầu vào tiếp

tục tăng, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu mà trực tiếp là tình trạng xâm nhập mặn, tăng giá xăng dầu, tăng chi phí vận chuyển, tăng giá nguyên vật liệu, hóa chất, tăng lương cơ sở, tăng lãi suất tiền vay ... trong bối cảnh đó HĐQT xác định phương hướng hoạt động của Công ty trong năm 2025 như sau:

1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
1	Nước sạch sản xuất	M ³	23.324.000
2	Nước sạch thương phẩm	M ³	20.058.000
3	Tỷ lệ nước thất thoát	%	14
4	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Đồng	237.065.000.000
5	Tổng chi phí	Đồng	138.900.000.000
6	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	98.165.000.000
7	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	79.335.000.000
8	Nộp ngân sách nhà nước	Đồng	30.157.000.000
9	Phân phối lợi nhuận: + Trích 30% quỹ đầu tư phát triển, + Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động; quỹ thưởng Ban điều hành; quỹ thưởng thành viên hội đồng và kiểm soát viên chuyên trách theo quy định tại Điều 27, Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ. + Trả cổ tức tối thiểu 9%/vốn điều lệ		
10	Đầu tư phát triển hệ thống cấp nước:	Đồng	82.118.000.000
11	Chi phí phát triển mới khách hàng; thay thế đồng hồ nước đến hạn kiểm định; duy trì đầu nối hộ khách hàng và thay thế sửa chữa, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng.	Đồng	63.834.274.000
12	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp / vốn điều lệ:	%	33,97
13	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp / vốn điều lệ:	%	27,45
14	Vốn điều lệ	Đồng	289.000.000.000

2. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

- Chỉ đạo quản trị hoạt động của doanh nghiệp tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Tăng cường công tác dự báo tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính của công ty an toàn, hiệu quả và phát triển nguồn vốn, tăng cường công tác giám sát, quản lý tốt công nợ nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.
- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ tăng sản lượng, nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng vùng phục vụ của công ty.

- Khai thác sử dụng phần mềm GIS để quản lý hệ thống kỹ thuật hạ tầng, đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thủy lực, quản lý mạng.
- Triển khai thực hiện đề án Scada cho hệ thống cấp nước, thực hiện hình thức thu tiền nước không dùng tiền mặt.
- Xây dựng đội ngũ quản lý chuyên nghiệp, có năng lực chuyên môn cao và nhiệt huyết trong công việc, có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo để bổ sung kịp thời theo yêu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản trị, điều hành thông qua việc xây dựng và ban hành các quy định, quy chế quản trị nội bộ, lập phương án sử dụng hình thức khoán chi phí đến từng bộ phận, trả lương theo chức danh kết hợp năng suất và hiệu quả công việc.
- Phân đấu đạt tỷ lệ hộ dân cấp nước theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, tập trung thực hiện cấp nước an toàn, đầu tư có chiều sâu để giảm tỷ lệ thất thoát nước theo kế hoạch năm 2025 đạt thấp hơn 14%, đảm bảo nhu cầu tiêu dùng nước sạch của tất cả khách hàng trên địa bàn đô thị tỉnh.
- Tập trung tuyên truyền nâng cao ý thức kỷ luật lao động, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, thực hành tiết kiệm và quản lý tốt chi phí nhằm giảm giá thành sản phẩm nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.
- Chỉ đạo điều hành tái cơ cấu toàn diện công ty, sắp xếp định biên lại lao động với phương châm tinh gọn về tổ chức bộ máy nhân sự, hiệu quả trong điều hành tập trung vào các hoạt động cốt lõi là sản xuất và phân phối nước sạch đồng thời mở rộng đầu tư hoặc hợp tác đầu tư ở những lĩnh vực ngành nghề cho phép.
- Thực hiện chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi quyền hạn nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và các quy định của pháp luật.

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả quản trị điều hành năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.

Xin trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Dặng Tấn Chiến

**PHỤ LỤC 1**

(Thù lao, tiền lương thực hiện của HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát năm 2024).

	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Hội đồng quản trị		536.931.746	216.000.000	752.931.746
Đặng Tấn Chiến	Chủ tịch	536.931.746	-	536.931.746
Lê Thị Quyên	Thành viên	-	72.000.000	72.000.000
Văn Kim Hùng Phong	Thành viên	-	72.000.000	72.000.000
Trần Tấn Đức	Thành viên	-	72.000.000	72.000.000
Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác		1.342.329.364	-	1.342.329.364
Nguyễn Quốc Đạt	Phó Tổng giám đốc	462.357.892	-	462.357.892
Lương Minh Triết	Phó Tổng giám đốc	462.357.892	-	462.357.892
Lê Văn Thắng	Kế toán trưởng	417.613.580	-	417.613.580
Ban Kiểm soát		477.272.663	72.000.000	549.272.663
Bùi Thiện Ngọc Minh	Trưởng Ban	477.272.663	-	477.272.663
Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên	-	24.000.000	24.000.000
Nguyễn Hữu Bình	Thành viên	-	48.000.000	48.000.000
Tổng cộng		2.356.533.773	288.000.000	2.644.533.773

Số: 01 /BC-BKS

Vĩnh Long, ngày 5 tháng 06 năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Về kết quả hoạt động kinh doanh của công ty; kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc năm 2024; Tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên năm 2024, phương hướng năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều 52 Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long (Điều lệ sửa đổi bổ sung Lần 3 đã được thông qua tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021) và quy định tại Điều 17 Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long (Quy chế nội bộ về quản trị đã được thông qua tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021).

Căn cứ báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán quốc tế chi nhánh Sài Gòn và kết quả kiểm soát trên cơ sở các tài liệu liên quan đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty. Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động trong năm 2024 và kế hoạch năm 2025 như sau:

A. PHẦN 1 - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY; KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2024

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY:

1/ Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ %
1	Sản lượng nước sạch tiêu thụ	m3	18.650.000	19.087.583	102,35%
2	Tổng Doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	214.329	219.455	102,39%

	Trong đó: Nước sạch	Triệu đồng	172.221	176.949	102,75%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	87.859	89.147	101,47%
	Trong đó: Nước sạch	Triệu đồng	63.844	63.359	99,24%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	71.666	73.100	102,00%
5	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	26.376	26.604	100,86%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn Điều lệ	%	24,80%	25,29%	102,00%
7	Vốn Điều lệ	Triệu đồng	289.000	289.000	100,00%

Qua số liệu trên cho thấy các chỉ tiêu chủ yếu công ty đều đạt trên 100% so với kế hoạch Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 thông qua. Cụ thể: Sản lượng nước sạch tiêu thụ đạt 102,35% so với kế hoạch. Tổng doanh thu đạt 102,39% so với kế hoạch, trong đó Doanh thu từ hoạt động sản xuất nước sạch đạt 102,75% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế TNDN đạt 101,47% so với kế hoạch trong đó Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất nước sạch đạt 99,24% so với kế hoạch. Nộp Ngân sách nhà nước đạt 100,86% so kế hoạch. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn Điều lệ đạt 102% so kế hoạch.

2/ Về công tác đầu tư phát triển hệ thống cấp nước:

Công tác thi công lắp đặt các tuyến ống cấp nước phân phối đạt 35.292 md với giá trị 12.624 triệu đồng. Lắp đặt mới đồng hồ nước: 1.939 hộ với giá trị 4.768 triệu đồng nâng tổng hộ sử dụng nước tính đến ngày 31/12/2024 lên đến 83.227 hộ trong vùng phục vụ của công ty.

Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch trong vùng phục vụ theo thỏa thuận trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đạt 95% (khu vực đô thị là 99,5%) với mức cung cấp nước sạch bình quân là 110 lít/người/ngđ (khu vực đô thị là 105 lít/người/ngđ).

3/ Công tác triển khai các Dự án ĐTXDCB đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua:

Các dự án ĐTXDCB đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2024 thông qua chưa triển khai là 13 công trình tổng mức đầu tư với giá trị 109,5 tỷ đồng. Tiếp tục chuyển sang năm kế tiếp gồm 09 công trình tương đương 49 tỷ đồng.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY NĂM 2024:

1. Công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính năm 2024 được Công ty lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán quốc tế chi nhánh Sài Gòn. Ý kiến của kiểm toán viên là ý kiến chấp nhận toàn phần như sau: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan

đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban kiểm soát thống nhất với nội dung của Báo cáo tài chính sau kiểm toán.

2. Bảng cân đối kế toán của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 được tóm tắt như sau:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu		31/12/2024	31/12/2023
Tổng tài sản		612,666,279,291	556,735,917,994
A -	Tài sản ngắn hạn	318,710,013,496	293,702,139,150
B -	Tài sản dài hạn	293,956,265,795	263,033,778,844
Tổng nguồn vốn		612,666,279,291	556,735,917,994
A-	Nợ phải trả	135,999,779,482	96,533,648,558
I-	Nợ ngắn hạn	77,688,578,523	60,496,094,978
II-	Nợ dài hạn	58,311,200,959	36,037,553,580
B-	Vốn chủ sở hữu	476,666,499,809	460,202,269,436
I-	Vốn chủ sở hữu	476,666,499,809	460,202,269,436
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	289,000,000,000	289,000,000,000
2.	Quỹ đầu tư phát triển	111,845,855,226	89,915,932,659
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	75,820,644,583	81,286,336,777
II-	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-

3. Kết quả sản xuất Kinh doanh năm 2024 được tóm tắt như sau:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu		Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	195,195,826,979	186.994.110.662
2.	Doanh thu hoạt động tài chính	16,234,265,284	19.627.237.346
3.	Thu nhập khác	8,026,329,392	7.171.777.273
4.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	89,147,101,705	87.767.017.283
5.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	16,047,359,815	6.843.258.367
6.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	73,099,741,890	80.923.758.916
7.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.192	2.462

2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Chỉ tiêu	Đvt	Năm nay	Năm trước
1- Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	52.02%	52.75%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	47.98%	47.25%
2- Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	22.20%	17.34%
Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	77.80%	82.66%
Nợ phải trả/Vốn CSH	%	28.53%	20.98%
3- Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành (Tổng tài sản NH/Tổng nợ ngắn hạn)	Lần	4.10	4.85
Khả năng thanh toán nhanh [(Tổng tài sản ngắn hạn- Hàng tồn kho)/Tổng nợ ngắn hạn]	Lần	3.95	4.55
Khả năng thanh toán tức thời ((Tiền + các khoản tương đương tiền)/Tổng nợ ngắn hạn)	Lần	3.75	3.68
4-Chỉ số về khả năng sinh lời			
Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	37.45%	43.28%
Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	15.61%	18.43%
Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	12.50%	15.12%

Tính đến thời điểm 31/12/2024, các chỉ số tài chính của Công ty cơ bản thể hiện được tính hiệu quả và lành mạnh trong hoạt động của doanh nghiệp. Các chỉ tiêu cơ cấu tài sản, nguồn vốn, khả năng thanh toán và khả năng sinh lời đều thể hiện Công ty có tình hình tài chính tốt, vốn đầu tư của cổ đông được bảo toàn và phát triển.

Công ty theo dõi chi tiết các khoản công nợ phải thu theo từng đối tượng khách hàng, theo từng hợp đồng, có phân loại tuổi nợ chi tiết và thực hiện nghiêm túc các quy định liên quan đến trích lập dự phòng nợ phải thu thể hiện sự chủ động trong phân loại, xử lý các khoản công nợ này, đảm bảo không gây ảnh hưởng đột biến tới kết quả kinh doanh hàng năm.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động và báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác:

Qua quá trình giám sát tình hình hoạt động năm 2024, Ban kiểm soát chưa phát hiện rủi ro trọng yếu trong các hoạt động quản trị và điều hành Công ty cũng như việc tuân thủ pháp luật, điều lệ công ty.

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực về các mặt: sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư phát triển, công tác quản lý tài chính, công bố thông tin và các mặt công tác khác của Công ty, nêu rõ những khó khăn tác động trong năm, những kết quả, tiến bộ đạt được, đồng thời nêu rõ những vấn đề còn tồn tại và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm 2025. Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty trong năm 2024.

2. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng thường niên năm 2024:

Hội Đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua. Kết quả đạt và vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 đề ra.

Tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức: Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua công ty đã thực hiện chi trả 16,22% cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt cho cổ đông theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam CN TP.Hồ Chí Minh lập đúng theo quy định pháp luật hiện hành.

Thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách và Người phụ trách quản trị công ty, Thù ký năm 2024 được chi trả đúng quy định.

Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2024. Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2024 (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024) của Công ty.

3. Việc công bố thông tin với UBCKNN & Sở giao dịch chứng khoán:

Công ty tuân thủ đúng quy định của Bộ tài chính và Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán về công bố thông tin của công ty đại chúng, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của công ty trên các trang thông tin điện tử của công ty tại địa chỉ [http:// capnuocvl.com.vn](http://capnuocvl.com.vn), trang công bố thông tin điện tử của UBCKNN (IDS), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (CIMS), Hệ thống công bố thông tin các doanh nghiệp nhà nước của Bộ tài Chính.

4. Các hoạt động công tác khác:

Qua kiểm tra, xem xét các chế độ, quyền lợi của người lao động, việc tuân thủ và chấp hành các quy định về đảm bảo an toàn trong sản xuất kinh doanh. Kết quả nhận thấy các quy trình hoạt động của Công ty được đảm bảo và tuân thủ theo đúng pháp luật; các chế độ, quyền lợi của người lao động được thực hiện theo đúng Luật lao động và quy định của công ty. Công ty thực hiện tốt các chính sách xã hội do Đảng nhà nước phát động như ủng hộ quỹ tấm lòng vàng, quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ phòng chống thiên tai và tặng quà gia đình chính sách, cán bộ về hưu, hỗ trợ gia đình chính sách, Hội khuyến học, công tác xã hội từ thiện khác.

Các tổ chức chính trị xã hội: Đảng bộ, Công đoàn, ... đã được Công ty quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí hoạt động theo đúng luật định.

B. PHẦN 2 - BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

I. THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT:

1.1 Thành viên Ban kiểm soát:

STT	Họ Tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên Ban kiểm soát	Trình độ chuyên môn
1	Bùi Thiện Ngọc Minh	Trưởng Ban kiểm soát	30/06/2021	Cử nhân kinh tế Thạc sĩ QLKT
2	Nguyễn Hữu Bình	Thành viên Ban kiểm soát	24/06/2023	Cử nhân kinh tế Thạc sĩ QTKD
3	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên Ban kiểm soát	30/06/2021	Cử nhân kinh tế

1.2 Các cuộc họp của Ban Kiểm soát:

STT	Họ Tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ%	Ghi chú
1	Bùi Thiện Ngọc Minh	Trưởng Ban kiểm soát	04/04	100%	
2	Nguyễn Hữu Bình	Thành viên Ban kiểm soát	04/04	100%	
3	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên Ban kiểm soát	02/04	50%	Nghỉ thai sản theo chế độ

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát đều được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

1.3 Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2024 Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty. Các công việc chủ yếu đã thực hiện như sau:

Thực hiện giám sát hoạt động tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty đối với Hội đồng quản trị, ban điều hành trong việc quản lý điều hành công ty.

Giám sát việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Tham gia các buổi họp Hội đồng quản trị, họp ban điều hành, ...

Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm.

Kiểm tra tính hợp lý hợp pháp trung thực trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, tính hợp lý hợp pháp trung thực trong tổ chức công tác kế toán thống kê và lập báo cáo tài chính.

Giám sát việc chia cổ tức cho các cổ đông.

Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ CỔ ĐÔNG

1. Công tác quản trị, quản lý của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ theo quy định, hoạt các cuộc họp Hội đồng quản trị, việc ban hành các nghị quyết, quyết định, quy chế, ... phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty và các quy chế quản trị nội bộ. Tài liệu Đại hội đồng cổ đông được chuẩn bị đầy đủ, công bố kịp thời.

Hội đồng quản trị công ty đã triển khai thực hiện nhiều cuộc họp để triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ các cuộc họp và làm việc với tinh thần trách nhiệm cao.

Trong năm Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò giám sát, chỉ đạo cũng như định hướng chiến lược và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng giám đốc thực hiện công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mang lại hiệu quả kinh doanh đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

Trong năm, thành viên Hội đồng quản trị, tổng giám đốc đã nghỉ hưu từ ngày 01/01/2024 và có đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 01/01/2024, được Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm ngày 27/6/2024 tuy nhiên số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm chưa quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty nên công ty sẽ bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã miễn nhiệm tại cuộc họp gần nhất sau khi có quyết định cử nhân sự đại diện vốn vốn nhà nước tại Công ty.

2. Công tác quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám Đốc, người điều hành khác:

Ban tổng giám đốc, người điều hành khác (dù khuyết chức danh Tổng Giám đốc) đã thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các Nghị Quyết Hội đồng quản trị, chấp hành nghiêm chính sách quy định của nhà nước trong điều hành sản xuất kinh doanh. Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, Đảm bảo thực hiện chi trả cổ tức, bảo toàn vốn cho cổ đông, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Ngân sách nhà nước và các chế độ chính sách đối với người lao động.

Thực hiện nghiêm chế độ kiểm toán độc lập, báo cáo định kỳ theo quy định đối với công ty đại chúng, thực hiện đầy đủ chế độ công bố thông tin định kỳ và bất thường trên thị trường chứng khoán đảm bảo tính minh bạch khách quan và trung thực tình hình hoạt động của công ty.

Trong việc điều hành sản xuất kinh doanh, Ban tổng giám đốc, người điều hành khác luôn có nhận định chính xác, kịp thời từ đó có những chỉ đạo phù hợp, bám sát diễn

biến thị trường, tiến độ thực hiện kế hoạch của các đơn vị trực thuộc, thường xuyên rà soát đánh giá các giải pháp đã đưa ra để điều chỉnh bổ sung cho kịp thời, phù hợp hơn cho từng thời điểm. Luôn chú trọng xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của đơn vị đã góp phần gia tăng hiệu quả kinh doanh.

3. Công tác phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc:

Hội đồng quản trị đã phối hợp tốt với Ban Tổng Giám Đốc chỉ đạo điều hành toàn diện mọi hoạt động của công ty góp phần quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát chưa nhận thấy dấu hiệu bất thường nào trong công tác phối hợp giữa HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ và Ban Tổng Giám Đốc.

III. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG:

Công tác phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác được thực hiện dựa trên nguyên tắc minh bạch, rõ ràng, tuân thủ các quy định pháp luật, quy định của công ty nhằm đảm bảo lợi ích của công ty và lợi ích cổ đông. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát và kiểm soát viên luôn nhận được sự phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát hoạt động theo đúng quy định từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban và toàn thể người lao động của Công ty cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long.

Ban kiểm soát đã tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị để thực hiện việc giám sát và có ý kiến trực tiếp với các vấn đề thuộc quyền hạn của Ban kiểm soát. Các ý kiến đóng góp của Ban kiểm soát đều được quan tâm và cân nhắc trong các cuộc họp.

Ban kiểm soát đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo của Ban kiểm soát theo quy định.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc luôn sẵn sàng phối hợp với cổ đông theo tinh thần của luật doanh nghiệp hiện hành để giải quyết những vấn đề cổ đông quan tâm, thực hiện công bố thông tin đúng quy định hiện hành, đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ báo cáo với cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của luật doanh nghiệp và điều lệ công ty. Ban kiểm soát chưa nhận góp ý, khiếu kiện bằng văn bản của cổ đông về hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

IV. GIÁM SÁT HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ liên quan với công ty	Nội dung	Tổng giá trị giao dịch (Đồng)
Công ty cổ phần nước và môi trường Cửu Long	Liên quan với người nội bộ	Mua nước sạch	7.553.375.700
		Cổ tức được chia	900.000.000
Công ty cổ phần nước và môi trường Bình Tân	Liên quan với người nội bộ	Cổ tức được chia	1.500.000.000

Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long	Liên quan với người nội bộ	Cổ tức được chia	23.906.658.000
Công ty cổ phần xây lắp điện Biwase	Liên quan với người nội bộ	Cổ tức được chia	15.775.348.164

V. TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Thù lao, tiền lương của các thành viên Ban kiểm soát trong năm 2024 là 549.272.663 đồng Trong đó: tiền lương của trưởng Ban kiểm soát chuyên trách phải thanh toán là 477.272.663 đồng, thù lao của thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách là 4.000.000 đồng/người/tháng và tổng chi phí phải thanh toán trong năm là 72.000.000 đồng.

Công ty đã chi và hạch toán thù lao, tiền lương của Ban kiểm soát năm 2024 theo quy định và được thể hiện thành mục riêng trên báo cáo tài chính sau kiểm toán.

VI. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN TRONG NĂM 2024:

Căn cứ Điều lệ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát luôn chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công một cách trung thực, khách quan, luôn vì sự phát triển của công ty và lợi ích cao nhất của cổ đông.

Căn cứ kế hoạch công tác năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban kiểm soát phân công nhiệm vụ cho từng kiểm soát viên, tổ chức các phiên họp theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi, lấy ý kiến kiểm soát viên qua phương tiện truyền thông.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát luôn nhận được sự hỗ trợ tích cực từ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, Ban điều hành và lãnh đạo các phòng ban trong công ty.

VII. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2025 CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán và Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát như:

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ, Luật Doanh nghiệp, luật chứng khoán. Tình hình thực hiện và tuân thủ Nội quy, quy chế, Nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc công ty.

- Kiểm tra giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty trong hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, thực hiện công tác quản trị công ty cũng như Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, bán niên, năm 2025.

- Giám sát việc chia cổ tức cho các cổ đông.

- Giám sát công tác công bố thông tin theo quy định hiện hành.

- Lập báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

C. PHẦN 3 - ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

Năm 2025, để đảm bảo tỷ lệ tăng trưởng như kế hoạch đề ra, Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể như sau:

- Tập trung tìm kiếm đối tác, mở rộng ngành nghề mới tăng doanh thu và lợi nhuận. Tăng cường công tác dịch vụ khách hàng, chú trọng chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đa dạng hóa nhiều hình thức thu tiền không dùng tiền mặt....

- Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến để phục vụ công tác quản lý, quản trị, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

-Chú trọng nâng cao hiệu quả công tác dịch vụ khách hàng, tích cực tiết kiệm chi phí, chống thất thoát, thất thu nước. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát công tác áp giá khách hàng sử dụng nước.

- Tăng cường đào tạo nâng cao năng lực bộ máy quản lý đáp ứng tốt yêu cầu hoạt động kinh doanh của công ty trong thời gian tới.

-Tăng cường hoạt động giám sát, kiểm soát nội bộ để phát hiện, dự báo và đưa ra biện pháp chấn chỉnh, phòng ngừa kịp thời. Rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy trình, quy định quản trị nội bộ hiện có đảm bảo phù hợp với Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, các văn bản Luật và dưới Luật hiện hành.

- Nghiên cứu lựa chọn hình thức cơ chế khoán phù hợp từng bước áp dụng cơ chế khoán toàn diện.

- Lựa chọn nguồn vốn tối ưu và tập trung các nguồn lực để triển khai các dự án đầu tư có hiệu quả.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban kiểm soát theo đúng quy định trên nguyên tắc phòng ngừa hạn chế sai sót trong mọi hoạt động nhất là hoạt động tài chính.

Trên đây Ban kiểm soát vừa trình bày tóm tắt Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và xác nhận.

Thay mặt Ban kiểm soát tôi chân thành cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các Phòng ban chức năng có liên quan cùng Quý cổ đông đã luôn tạo điều kiện cho Ban kiểm soát thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Kính chúc Công ty ngày càng phát triển, ổn định, bền vững, chúc Quý vị cổ đông dồi dào sức khỏe, chúc Đại hội cổ đông thành công tốt đẹp.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị, Ban TGD Công ty;
- Lưu: Ban kiểm soát, Thư ký.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Bùi Thiện Ngọc Minh

Số: 01 /TTr-HĐQT

Vĩnh Long, ngày 5 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Quốc tế Chi nhánh Sài Gòn.

Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời đã được đăng tải trên website www.capnuocvl.com.vn của công ty và đính kèm theo Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đặng Tấn Chiến

Số: 02 /TTr-HĐQT

Vĩnh Long, ngày 5 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ
và trả cổ tức năm 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024
1	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	73.099.741.890
2	Trích 30% quỹ đầu tư và phát triển	Đồng	21.929.922.567
3	Trích 12,95% quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động (*)	Đồng	9.467.102.458
4	Trích 0,4% quỹ khen thưởng người quản lý công ty	Đồng	294.566.722
5	Mức cổ tức 56,65% năm 2024 (tương ứng 14,33%/vốn điều lệ) <i>Trong đó: Bổ sung thêm lợi nhuận chưa phân phối các năm trước vào lợi nhuận chia cổ tức năm nay là 5.549.857đồng để làm tròn số.</i>	Đồng	41.413.700.000

(*) Số tiền trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động sẽ phân bổ theo tỷ lệ 50% quỹ khen thưởng và 50% quỹ phúc lợi.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



Số: 03 /TTr-HĐQT

Vĩnh Long, ngày 5 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Căn cứ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;
Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
1	Nước sạch sản xuất	M ³	23.324.000
2	Nước sạch thương phẩm	M ³	20.058.000
3	Tỷ lệ nước thất thoát	%	14
4	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Đồng	237.065.000.000
5	Tổng chi phí	Đồng	138.900.000.000
6	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	98.165.000.000
7	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	79.335.000.000
8	Nộp ngân sách nhà nước	Đồng	30.157.000.000
9	Phân phối lợi nhuận: + Trích 30% quỹ đầu tư phát triển, + Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động; quỹ thưởng Ban điều hành; quỹ thưởng thành viên hội đồng và kiểm soát viên chuyên trách theo quy định tại Điều 27, Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ. + Trả cổ tức tối thiểu 9%/vốn điều lệ		
10	Đầu tư phát triển hệ thống cấp nước:	Đồng	82.118.000.000
11	Chi phí phát triển mới khách hàng; thay thế đồng hồ nước đến hạn kiểm định; duy trì đầu nối hộ khách hàng và thay thế sửa chữa, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng.	Đồng	63.834.274.000
12	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp / vốn điều lệ:	%	33,97
13	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp / vốn điều lệ:	%	27,45
14	Vốn điều lệ	Đồng	289.000.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



**PHỤ LỤC 1***(Đầu tư phát triển HTCN kế hoạch năm 2025)*

Tên dự án/công trình	ĐVT	SL	Giá trị (đồng)
1. Dự án đầu tư xây dựng mới chưa thực hiện năm trước chuyển sang			49.000.000.000
- Xây dựng cải tạo, nâng công suất cụm xử lý nhà máy nước Hưng Đạo Vương từ 18.000 m ³ /ngđ lên 24.000 m ³ /ngđ	C.trình	1	20.000.000.000
- Cải tạo trạm bơm cấp II - NMN Hưng Đạo Vương	C.trình	1	8.000.000.000
- Cải tạo Trạm bơm cấp II - NMN Trà Ôn	C.trình	1	2.000.000.000
- Xây dựng bể chứa nước sạch 2000m ³ - NMN Trà Ôn	C.trình	1	9.000.000.000
- Hệ thống giám sát (SCADA) các NMN khu vực Thành phố Vĩnh Long.	C.trình	1	3.500.000.000
- Xây dựng phòng thí nghiệm đạt ISO 17025	C.trình	1	2.000.000.000
- Xây dựng Trạm biếp áp 630 kVA, Nhà máy nước Hưng Đạo Vương	C.trình	1	1.500.000.000
- Cải tạo trạm bơm cấp 2, Nhà máy nước Tam Bình	C.trình	1	2.000.000.000
- Sơn sửa các hạng mục và cải tạo, nâng cấp sân đường nội bộ CNCN Tam Bình	C.trình	1	1.000.000.000
2. Dự án đầu tư xây dựng mới năm nay			27.800.000.000
- Hệ thống kiểm tra chất lượng nước Online gồm 3 chỉ tiêu (Clo dư, pH, độ đục) cho vực thành phố Vĩnh long và Long hồ	C.trình	1	1.500.000.000
- Hệ thống Quan trắc nước thô theo quy định luật tài nguyên môi trường (online gửi về sở tài nguyên môi trường, trước tháng 7/2026), đối với các nhà máy có công suất >10.000 m ³ /ngày đêm	C.trình	1	3.000.000.000
- Lắp các thiết bị theo dõi áp lực tại các khu vực nước yếu, cuối mạng.	C.trình	1	300.000.000
- Lắp đặt 02 máy bơm chìm nước thô NMN Trường An Q=450m ³ /h; H=20m (Bao gồm: thiết bị, CN, HT điện)	C.trình	1	3.000.000.000
- Xây dựng hệ thống năng lượng mặt trời Nhà máy nước Hưng Đạo Vương	C.trình	1	5.000.000.000
- Xây dựng cải tạo khuôn viên - nhà làm việc Chi nhánh cấp nước Vũng Liêm	C.trình	1	15.000.000.000
3. Phát triển mạng lưới ống phân phối cấp nước	mét	15.800	5.318.000.000
Tổng cộng			82.118.000.000



PHỤ LỤC 2

(Chi phí kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025)

Tên dự án/công trình	ĐVT	Giá trị
1. Chi phí phát triển mới khách hàng	Đồng	5.789.788.000
2. Chi phí thay thế đồng hồ đến hạn kiểm định	Đồng	14.563.255.000
3. Chi phí duy trì đầu nối hộ khách hàng	Đồng	5.970.281.000
4. Chi phí đầu nối bổ sung lưu lượng cho mạng lưới cấp nước	Đồng	25.945.000.000
5. Chi phí thay thế sửa chữa, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng	Đồng	11.565.950.000
Tổng cộng		63.834.274.000

Số: 04 /TTr-HĐQT

Vĩnh Long, ngày 5 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua kế hoạch thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách, Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch quỹ thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách và Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký năm 2025.

Chi tiết như sau:

- Số lượng thành viên HĐQT, BKS, người phụ trách quản trị công ty, thư ký công ty không chuyên trách: 08 người
- Tổng mức thù lao thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, người phụ trách quản trị công ty, thư ký công ty: 728.640.000 đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đặng Tấn Chiến

Số: 05 /TTr-HĐQT

Vĩnh Long, ngày 5 tháng 6 năm 2025



TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ và Quy chế Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ và Quy chế Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long như sau.

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 28 và điểm h khoản 2 Điều 29 Điều lệ công ty; khoản 1 Điều 6 và điểm h khoản 2 Điều 12 Quy chế Hội đồng quản trị công ty.

STT	Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh
1	Khoản 1 Điều 28 Điều lệ công ty và Khoản 1 Điều 6 Quy chế Hội đồng quản trị. <i>“ 1. Số lượng thành viên HĐQT là 05 người hoặc 07 người”.</i>	Khoản 1 Điều 28 Điều lệ công ty và Khoản 1 Điều 6 Quy chế Hội đồng quản trị. <i>“ 1. Số lượng thành viên HĐQT là 05 người”.</i>
2	Điểm h khoản 2 Điều 29 Điều lệ công ty và điểm h khoản 2 Điều 12 Quy chế Hội đồng quản trị công ty. <i>“h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật này”.</i>	Điểm h khoản 2 Điều 29 Điều lệ công ty và điểm h khoản 2 Điều 12 Quy chế Hội đồng quản trị công ty. <i>“h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của</i>

		<i>Luật này.</i>
--	--	------------------

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đặng Tấn Chiến

Số: 06 /TTr-HĐQT

Vĩnh Long, ngày tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc xem xét đề nghị của Công ty CP-Tổng công ty nước-Môi trường Bình Dương được nhận chuyển nhượng cổ phần VLW của cổ đông Công ty Cổ phần xây lắp - điện BIWASE mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều 35 Luật chứng khoán ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;
- Căn cứ Công văn số 399/TCT.BWE-KH ngày 06/5/2025 của Công ty cổ phần Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương về việc xin chủ trương chấp thuận cho BIWASE được nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty cổ phần Xây lắp - điện BIWASE tại Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua đề nghị của cổ đông Công ty Cổ phần - Tổng công ty nước-Môi trường Bình Dương hiện đang nắm giữ 7.100.000 cổ phiếu tương đương 24,56% vốn điều lệ được nhận chuyển nhượng 2.625.862 cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Xây lắp - điện BIWASE nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long lên 33,65% vốn điều lệ mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 35 của Luật chứng khoán.

Cổ đông chuyển nhượng Công ty cổ phần Xây lắp - điện BIWASE và Cổ đông nhận chuyển nhượng Công ty Cổ phần - Tổng công ty nước-Môi trường Bình Dương không có quyền biểu quyết nội dung này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

Đặng Tấn Chiến

Số: 01 /TTr-BKS

Vĩnh Long, ngày 5 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 xem xét thông qua đánh sách các đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 và việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các đơn vị sau làm đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM
2. Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
3. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
4. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 trong số 04 đơn vị trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT



Bùi Thiện Ngọc Minh



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

PHIẾU BIỂU QUYẾT
NỘI DUNG CÁC TỜ TRÌNH

Mã cổ đông:

Tên cổ đông:

Số CP sở hữu + đại diện: CP

Tổng số quyền được biểu quyết:

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1. Thông qua tờ trình Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024.			
2. Thông qua tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, trả cổ tức năm 2024.			
3. Thông qua tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025			
4. Thông qua tờ trình việc chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025			
5. Thông qua tờ trình tổng mức thù lao TV HĐQT, BKS, người phụ trách quản trị công ty, Thư ký năm 2025			
6. Thông qua tờ trình sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long			

TP. Vĩnh Long, ngày 27 tháng 6 năm 2025
CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lưu ý:

- Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu X vào ô lựa chọn (☐)
- Trường hợp cổ đông thay đổi ý kiến thì khoanh tròn ô đã lựa chọn (☐) và đánh dấu X vào ô lựa chọn mới (☐)
- Trường hợp cổ đông chọn lại ô đã được khoanh tròn thì tô đen ô khoanh tròn ấy (☐)
- Cổ đông chỉ được lựa chọn 1 phương án biểu quyết cho mỗi nội dung.

Ghi chú :

- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2025.
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
 - + Phiếu không do VWACO phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của VWACO trên phiếu).
 - + Phiếu không có chữ ký của cổ đông/ đại diện cổ đông.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

PHIẾU BIỂU QUYẾT

(Tờ trình xem xét chấp thuận chuyển nhượng cổ phần mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai)

Mã cổ đông:

Tên cổ đông:

Số CP sở hữu + đại diện: CP

Tổng số quyền được biểu quyết:

STT	Nội dung	Tán thành	Không Tán thành	Không có ý kiến
1	Thông qua tờ trình chấp thuận cho Công ty cổ phần – Tổng công ty Nước - Môi trường Bình Dương được nhận chuyển nhượng 2.625.862 cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Xây lắp - điện BIWASE nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long lên 33,65% vốn điều lệ mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 35 của Luật chứng khoán.			

Lưu ý:

- Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu X vào ô lựa chọn (☐)
- Trường hợp cổ đông thay đổi ý kiến thì khoanh tròn ô đã lựa chọn (☐) và đánh dấu X vào ô lựa chọn mới (☐)
- Trường hợp cổ đông chọn lại ô đã được khoanh tròn thì tô đen ô khoanh tròn ấy (☐)
- Cổ đông chỉ được lựa chọn 1 phương án biểu quyết cho mỗi nội dung.

TP. Vĩnh Long, ngày 27 tháng 6 năm 2025

CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú :

- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2025.
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
 - + Phiếu không do VWACO phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của VWACO trên phiếu).
 - + Phiếu không có chữ ký của cổ đông/ đại diện cổ đông.
 - + Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu ghi thêm nội dung không do Chủ tọa Đại hội yêu cầu.
 - + Phiếu không in thông tin cổ đông.

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thống nhất nội dung, chương trình và quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Điều 2. Thống nhất Báo cáo của HĐQT về hoạt động điều hành Công ty năm 2024 và phương hướng năm 2025.

Điều 3. Thống nhất Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động kiểm soát công ty năm 2024 và phương hướng năm 2025.

Điều 4. Thống nhất Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024 (*Báo cáo tài chính đã kiểm toán đính kèm*)

Điều 5. Thống nhất phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	73.099.741.890
2	Trích 30% quỹ đầu tư và phát triển	Đồng	21.929.922.567
3	Trích 12,95% quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động, trong đó: <i>Phân bổ theo tỷ lệ 50% quỹ khen thưởng và 50% quỹ phúc lợi</i>	Đồng	9.467.102.458
4	Trích 0,4% quỹ khen thưởng người quản lý công ty	Đồng	294.566.722
5	Mức cổ tức 14,33%/vốn điều lệ, trong đó: <i>Lợi nhuận chưa phân phối năm nay: 41.408.150.143 đồng; từ lợi nhuận chưa phân phối năm trước: 5.549.857 đồng.</i>	Đồng	41.413.700.000

Điều 6. Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
1	Nước sạch sản xuất	M ³	23.324.000
2	Nước sạch thương phẩm	M ³	20.058.000
3	Tỷ lệ nước thất thoát	%	14
4	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Đồng	237.065.000.000
5	Tổng chi phí	Đồng	138.900.000.000
6	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	98.165.000.000
7	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	79.335.000.000
8	Nộp ngân sách nhà nước	Đồng	30.157.000.000
9	Phân phối lợi nhuận: + Trích 30% quỹ đầu tư phát triển, + Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động; quỹ thưởng Ban điều hành; quỹ thưởng thành viên hội đồng và kiểm soát viên chuyên trách theo quy định tại Điều 27, Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ. + Trả cổ tức tối thiểu 9%/vốn điều lệ		
10	Đầu tư phát triển hệ thống cấp nước:	Đồng	82.118.000.000
11	Chi phí phát triển mới khách hàng; thay thế đồng hồ nước đến hạn kiểm định; duy trì đầu nối hộ khách hàng và thay thế sửa chữa, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng.	Đồng	63.834.274.000
12	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp / vốn điều lệ:	%	33,97
13	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp / vốn điều lệ:	%	27,45
14	Vốn điều lệ	Đồng	289.000.000.000

Điều 7. Thống nhất danh sách đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một đơn vị kiểm toán trong danh sách các đơn vị kiểm toán như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán CPA – Việt Nam
- Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt

Điều 8. Thống nhất tổng mức thù lao thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và người phụ trách quản trị công ty, thư ký năm 2025: 728.640.000 đồng

Điều 9. Thống nhất sửa khoản 1 Điều 28 và điểm h khoản 2 Điều 29 Điều lệ công ty ...

Điều 10. Thống nhất sửa khoản 1 Điều 6 và điểm h khoản 2 Điều 12 Quy chế hội đồng quản trị ...

Điều 11. Thống nhất đề nghị của Công ty CP-Tổng công ty nước-Môi trường Bình Dương được nhận chuyển nhượng cổ phần VLW của cổ đông Công ty Cổ phần xây lắp - điện BIWASE mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long được lập và thông qua trước Đại hội với tỷ lệ thống nhất 100% của cổ đông có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 27/6/2025./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- HĐQT, BKS;
- Website Công ty;
- Lưu VT.

Đặng Tấn Chiến

Số: 29 /CNVL

V/v: Công bố thông tin Báo cáo tài
chính đã kiểm toán cho kỳ kế toán kết
thúc ngày 31/12/2024.

Vinh Long, ngày 21 tháng 3 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long**

Trụ sở chính: Số 02 Hưng Đạo Vương, Phường 1, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại: 0270.3822583

Fax: 0270.3829432

Người thực hiện công bố thông tin: Đặng Tấn Chiến

Địa chỉ: Số 59/1 Đường Phạm Thái Bường, Phường 4, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0916804444 - 02703 822583

Fax: 0270.3829432

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2024.**

Thông tin này đã được công bố trên Website của công ty: www.capnuocvl.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Website công ty
- Lưu;

THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



ĐẶNG TẤN CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 36

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Tấn Chiến	Chủ tịch
Bà Lê Thị Quyến	Thành viên
Ông Trần Tấn Đức	Thành viên
Ông Văn Kim Hùng Phong	Thành viên
Ông Huỳnh Ngọc Chiến	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 2 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Thiện Ngọc Minh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hữu Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Ngọc Chiến	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19 tháng 2 năm 2025)
Ông Nguyễn Quốc Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lương Minh Triết	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Đặng Tấn Chiến - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



Đặng Tân Chiến
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Vĩnh Long, ngày 19 tháng 3 năm 2025

Số: 2082/2025/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2025, từ trang 4 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Thị Toán
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2767-2024-072-1



Triệu Thị Thùy Linh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3779-2021-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024


Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		318.710.013.496	293.702.139.150
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.256.178.200	22.083.263.283
1. Tiền	111		15.256.178.200	7.083.263.283
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	15.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		275.835.000.000	200.670.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	275.835.000.000	200.670.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.071.501.089	50.782.593.629
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	9.588.536.272	27.444.003.997
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.029.368.700	14.757.173.213
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	3.775.821.140	10.168.805.192
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.322.225.023)	(1.587.388.773)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	11.984.240.966	18.637.199.350
1. Hàng tồn kho	141		11.984.240.966	18.637.199.350
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.563.093.241	1.529.082.888
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1.246.781.259	1.508.602.038
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		310.098.957	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	6.213.025	20.480.850
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		293.956.265.795	263.033.778.844
I. Tài sản cố định	220		241.467.517.646	236.490.562.804
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	241.196.026.251	236.248.325.707
- Nguyên giá	222		646.864.355.080	617.814.104.058
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(405.668.328.829)	(381.565.778.351)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	271.491.395	242.237.097
- Nguyên giá	228		856.768.985	766.834.100
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(585.277.590)	(524.597.003)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		44.702.223.536	18.843.531.239
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	44.702.223.536	18.843.531.239
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	7.210.754.818	7.210.754.818
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		6.910.754.818	6.910.754.818
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		300.000.000	300.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		575.769.795	488.929.983
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	575.769.795	488.929.983
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		612.666.279.291	556.735.917.994

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		135.999.779.482	96.533.648.558
I. Nợ ngắn hạn	310		77.688.578.523	60.496.094.978
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	8.753.990.171	2.871.325.436
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		117.496.260	201.940.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	13.623.556.240	4.183.930.766
4. Phải trả người lao động	314		9.241.652.529	15.230.792.016
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	814.550.686	695.117.769
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	3.243.733.594	3.325.576.192
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	10.307.480.000	5.307.480.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	31.586.119.043	28.679.932.799
II. Nợ dài hạn	330		58.311.200.959	36.037.553.580
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	47.010.267.636	20.311.071.636
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.19	11.300.933.323	15.726.481.944
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		476.666.499.809	460.202.269.436
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	476.666.499.809	460.202.269.436
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		289.000.000.000	289.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		289.000.000.000	289.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		111.845.855.226	89.915.932.659
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		75.820.644.583	81.286.336.777
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		34.410.536.777	34.410.332.301
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này	421b		41.410.107.806	46.876.004.476
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		612.666.279.291	556.735.917.994


Nguyễn Thị Phương Minh
Người lập biểu


Lê Văn Thắng
Kế toán trưởng



Đặng Tấn Chiến
Chủ tịch

Ngày 19 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2024	2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	195.257.957.234	186.994.110.662
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		62.130.255	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		195.195.826.979	186.994.110.662
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	70.227.396.071	66.021.625.691
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		124.968.430.908	120.972.484.971
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	16.234.265.284	19.627.237.346
7. Chi phí tài chính	22		64.729.924	80.674.476
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		64.729.924	80.674.476
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	34.024.297.057	30.945.590.869
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	24.919.571.934	27.899.719.573
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		82.194.097.277	81.673.737.399
11. Thu nhập khác	31	VI.6	8.026.329.392	7.171.777.273
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.073.324.964	1.078.497.389
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		6.953.004.428	6.093.279.884
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		89.147.101.705	87.767.017.283
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	16.047.359.815	6.843.258.367
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		73.099.741.890	80.923.758.916
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	2.192	2.462


Nguyễn Thị Phương Minh
Người lập biểu


Lê Văn Thắng
Kế toán trưởng


Đặng Tân Chiến
Chủ tịch
Ngày 19 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2024	2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	89.147.101.705	87.767.017.283
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	25.340.001.698	24.392.173.258
Các khoản dự phòng	03	(265.163.750)	962.740.389
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(16.177.738.459)	(19.494.082.990)
Chi phí lãi vay	06	64.729.924	80.674.476
Các khoản điều chỉnh khác	07	(4.425.548.621)	(3.465.915.660)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	93.683.382.497	90.242.606.756
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	17.388.240.445	(7.873.538.198)
Giảm hàng tồn kho	10	6.652.958.384	1.417.905.406
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.005.256.863)	5.609.781.180
Giảm chi phí trả trước	12	174.980.967	1.175.941.732
Tiền lãi vay đã trả	14	(68.798.991)	(84.743.545)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.781.746.624)	(4.427.841.026)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	24.390.000	52.490.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.877.915.273)	(6.903.736.816)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	98.190.234.542	79.208.865.489
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(37.483.611.149)	(41.873.773.972)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	5.394.907
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(480.226.000.000)	(267.720.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	405.061.000.000	247.640.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22.799.285.484	16.650.792.120
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(89.849.325.665)	(45.297.586.945)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	37.006.676.000	1.734.635.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.307.480.000)	(5.307.480.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(46.867.189.960)	(28.892.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(15.167.993.960)	(32.465.245.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(6.827.085.083)	1.446.033.544
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	22.083.263.283	20.637.229.739
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	15.256.178.200	22.083.263.283

Nguyễn Thị Phương Minh
Người lập biểu

Lê Văn Thắng
Kế toán trưởng

Đặng Tấn Chiến
Chủ tịch

Ngày 19 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty Nhà nước, được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long theo Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500174831 cấp lần đầu ngày 03 tháng 3 năm 2008 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long và giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 8 ngày 23 tháng 9 năm 2021 về việc thay đổi thông tin của người đại diện pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty là 289.000.000.000 đồng, được chia thành 28.900.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng, trong đó Nhà nước, đại diện bởi Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long, sở hữu 51% vốn.

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh của Công ty là: Vinh Long Water Supply Joint Stock Company, tên viết tắt là: VWACO.

Trụ sở chính của công ty đặt tại số 2, Đường Hưng Đạo Vương, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu: VLW.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 lần lượt là 233 người và 239 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh nước sạch; sản xuất nước đóng chai; kinh doanh nước uống đóng chai; thi công lắp đặt công trình kỹ thuật hạ tầng; đầu tư xây dựng các dự án cấp nước; kinh doanh các dự án cấp nước; tư vấn xây dựng, bao gồm: thiết kế, giám sát, quản lý dự án các công trình kỹ thuật hạ tầng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất và kinh doanh nước sạch.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào hai (2) công ty liên kết, chi tiết như sau:

Tên công ty	31/12/2024				01/01/2024				Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ (%)	Tỷ lệ lợi ích			Tỷ lệ biểu quyết năm giữ (%)	Tỷ lệ lợi ích				
		Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu			Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu			
			trực tiếp (%)	gián tiếp (%)			trực tiếp (%)	gián tiếp (%)		
1. Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Bình Tân	25%	25%	25%	0,00%	25%	25%	25%	0,00%	Tỉnh Vĩnh Long	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
2. Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Cửu Long	20%	20%	20%	0,00%	20%	20%	20%	0,00%	Tỉnh Vĩnh Long	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

Các đơn vị trực thuộc của Công ty bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy nước Hưng Đạo Vương	Số 02 Hưng Đạo Vương, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
Nhà máy nước Trường An	Số 519, ấp Tân Vinh Thuận, xã Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
Chi nhánh cấp nước Trà Ôn	Tổ 2, ấp Mỹ Lợi, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long
Chi nhánh cấp nước Vũng Liêm	Tổ 9B, ấp Trung Tín, thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long
Chi nhánh cấp nước Tam Bình	Số 390/8 Khóm 4, thị trấn Tam Bình, huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long
Chi nhánh cấp nước Cái Ngang	Tổ 3, Ấp 8, xã Mỹ Lộc, huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long
Chi nhánh cấp nước Long Hồ	Tổ 32, ấp Long Thuận B, xã Long Phước, huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long
Chi nhánh sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai Việt Úc	54 Nguyễn Huệ, Phường 2, thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
Xí nghiệp xây lắp	Số 02 Hưng Đạo Vương, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn vào đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Nếu công ty nhận đầu tư là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn vào đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm số tiền trả trước về bảo hiểm, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng và số lần sử dụng thực tế theo các quy định kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8

Các tài sản cố định hữu hình của Công ty được đánh giá lại khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của chương trình phần mềm, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Công ty trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo các quy định tại Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN ngày 31/05/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ; Thông tư số 67/2022/BTC ngày 07/11/2022 của Bộ Tài chính.

Tỷ lệ trích hàng năm từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tỷ lệ trích cụ thể năm 2024 được căn cứ vào khả năng và nhu cầu sử dụng nguồn vốn cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty là 3%.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng của Công ty chủ yếu là doanh thu từ hoạt động cung cấp nước sạch cho người dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long với đơn giá nước áp dụng theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh cho từng thời kỳ. Đơn giá bán nước chỉ được điều chỉnh sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	2.840.000	17.748.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.253.338.200	7.065.515.283
Các khoản tương đương tiền (i)	-	15.000.000.000
Cộng	15.256.178.200	22.083.263.283

Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm số tiền 292.672.931 đồng đã được sử dụng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng xây lắp (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 276.174.431 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	275.835.000.000	200.670.000.000

Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại bao gồm kỳ hạn 6 đến 12 tháng, các khoản tiền gửi có thời hạn thu hồi dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất dao động từ 5,2% đến 5,5%/năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu tiền sử dụng nước sinh hoạt, phí bảo vệ môi trường	6.472.392.750	17.892.210.741
Phòng Quản Lý Đô Thị Thành Phố Vĩnh Long	990.780.250	1.053.173.350
Trung tâm Phát triển Quỹ đất Thành phố Vĩnh Long	521.533.100	5.240.769.600
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.603.830.172	3.257.850.306
Cộng	9.588.536.272	27.444.003.997

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng Thành Công	1.672.453.700	128.676.213
Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Dịch vụ		
Xây dựng Điện kỹ thuật Hoàng Quân	231.621.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Á Châu	-	14.538.131.000
Các đối tượng khác	125.294.000	90.366.000
Cộng	2.029.368.700	14.757.173.213

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi	3.201.621.393	9.766.641.593
Phải thu tạm ứng cho nhân viên	134.227.734	173.378.898
Các khoản phải thu khác	439.972.013	228.784.701
Cộng	3.775.821.140	10.168.805.192

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.153.249.683	831.024.660	(1.322.225.023)	2.022.723.187	435.334.414	(1.587.388.773)
Cộng	2.153.249.683	831.024.660	(1.322.225.023)	2.022.723.187	435.334.414	(1.587.388.773)

Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi:

	2024	2023
	VND	VND
Số đầu năm	(1.587.388.773)	(624.648.384)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(962.740.389)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	265.163.750	-
Số cuối năm	(1.322.225.023)	(1.587.388.773)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.313.521.008	-	16.183.575.819	-
Công cụ, dụng cụ	194.187.604	-	230.573.758	-
Chi phí sản xuất dở dang	2.231.245.255	-	2.010.846.040	-
Thành phẩm	245.287.099	-	212.203.733	-
Cộng	11.984.240.966	-	18.637.199.350	-

8. Chi phí trả trước

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	77.682.230	153.700.000
Chi phí bảo hiểm	25.559.614	668.826.140
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.143.539.415	686.075.898
Cộng	1.246.781.259	1.508.602.038
b. Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	353.087.571	356.933.473
Chi phí trả trước dài hạn khác	222.682.224	131.996.510
Cộng	575.769.795	488.929.983
Tổng cộng chi phí trả trước	1.822.551.054	1.997.532.021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2024	117.149.311.782	96.833.377.404	402.215.719.923	1.615.694.949	617.814.104.058
Mua trong năm	-	149.074.630	-	44.227.272	193.301.902
Xây dựng cơ bản hoàn thành	11.814.432.637	3.014.664.102	15.261.849.839	-	30.090.946.578
Thanh lý, nhượng bán	(83.579.668)	(179.814.473)	(969.903.317)	-	(1.233.297.458)
Giảm trong năm	(400.000)	-	(300.000)	-	(700.000)
Tại ngày 31/12/2024	128.879.764.751	99.817.301.663	416.507.666.445	1.659.922.221	646.864.355.080
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2024	69.019.019.203	75.881.232.739	235.361.313.982	1.304.212.427	381.565.778.351
Khấu hao trong năm	4.674.641.664	5.945.125.113	14.562.551.969	97.002.365	25.279.321.111
Thanh lý, nhượng bán	(72.716.426)	(167.881.612)	(936.172.595)	-	(1.176.770.633)
Tại ngày 31/12/2024	73.620.944.441	81.658.476.240	248.987.693.356	1.401.214.792	405.668.328.829
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2024	48.130.292.579	20.952.144.665	166.854.405.941	311.482.522	236.248.325.707
Tại ngày 31/12/2024	55.258.820.310	18.158.825.423	167.519.973.089	258.707.429	241.196.026.251

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 lần lượt là 202.492.973.337 đồng và 174.111.968.128 đồng.

Công ty đã sử dụng các tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 lần lượt là 44.240.432.171 đồng và 50.172.080.465 đồng để bảo đảm cho các khoản vay tại Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Khu vực Cần Thơ - Phòng giao dịch Vĩnh Long (xem chi tiết tại *Thuyết minh số V.17*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Chương trình phần mềm VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2024	766.834.100
Mua trong năm	89.934.885
Tại ngày 31/12/2024	856.768.985
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2024	524.597.003
Khấu hao trong năm	60.680.587
Tại ngày 31/12/2024	585.277.590
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2024	242.237.097
Tại ngày 31/12/2024	271.491.395

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết giá trị khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 463.834.100 đồng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Dự án mở rộng nhà máy nước Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, nâng công suất từ 3.000m ³ /ngày đêm lên 9.600m ³ /ngày đêm	42.975.183.593	4.213.650.458
Dự án xây dựng bể chứa nước sạch 2.000 m ³ tại trạm tăng áp Long Hồ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long	-	5.641.321.364
Dự án tuyến ống chuyển tải D280, Quốc lộ 53 từ thành phố Vĩnh Long về trạm tăng áp Long Hồ	-	4.738.430.656
Các dự án khác	1.727.039.943	4.250.128.761
Cộng	44.702.223.536	18.843.531.239

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	18.843.531.239	5.433.293.114
Chi phí đầu tư trong năm	72.749.639.351	37.360.577.706
Kết chuyển sang tài sản cố định	(30.090.946.578)	(10.341.800.645)
Kết chuyển vật tư thừa nhập kho	(181.385.315)	(265.928.985)
Ghi nhận vào chi phí trong năm	(16.618.615.161)	(13.342.609.951)
Số dư cuối năm	44.702.223.536	18.843.531.239

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

12. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2024				01/01/2024			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
a. Đầu tư vào công ty liên kết								
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Bình Tân	500.000	5.000.000.000	-	(i)	500.000	5.000.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Cửu Long	180.000	1.910.754.818	-	(i)	180.000	1.910.754.818	-	(i)
Cộng		6.910.754.818	-			6.910.754.818	-	

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024				01/01/2024			
	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Mang Thít	30.000	300.000.000	-	(i)	30.000	300.000.000	-	(i)

(i) Giá trị hợp lý của các công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với các khoản đầu tư này không có sẵn. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2024	01/01/2024
	<i>Giá trị đồng thời là số có khả năng thanh toán</i>	
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Á Châu	4.320.464.000	-
Công ty TNHH MTV Tư vấn và Đầu tư Phát triển Sông Xanh	1.335.699.000	-
Công ty TNHH Thương mại Viễn thông Việt Hồng Hà	695.741.140	448.912.000
Phải trả người bán là bên liên quan (xem Thuyết minh VII.3)	662.378.535	619.839.675
Các nhà cung cấp khác	1.739.707.496	1.802.573.761
Cộng	8.753.990.171	2.871.325.436

14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	-	6.213.025	6.213.025
Thuế nhà đất và tiền thuê đất nộp thừa	20.480.850	20.480.850	-	-
Cộng	20.480.850	20.480.850	6.213.025	6.213.025
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	27.786.689	3.401.330.818	3.429.117.507	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.030.756.889	16.047.359.815	6.781.746.624	12.296.370.080
Thuế thu nhập cá nhân	133.225.269	1.154.752.332	879.761.761	408.215.840
Phí bảo vệ môi trường	959.301.099	10.065.693.579	10.148.004.158	876.990.520
Thuế tài nguyên	32.860.820	456.159.260	447.040.280	41.979.800
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	88.976.858	88.976.858	-
Thuế môn bài	-	12.000.000	12.000.000	-
Cộng	4.183.930.766	31.226.272.662	21.786.647.188	13.623.556.240

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trích trước chi phí tiền điện	623.601.871	584.916.093
Các khoản chi phí phải trả khác	190.948.815	110.201.676
Cộng	814.550.686	695.117.769

16. Phải trả khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.606.232.910	1.175.391.891
Thuế thu nhập cá nhân	1.020.049.949	598.589.251
Cổ tức phải trả	23.230.540	14.620.500
Các khoản phải trả khác	594.220.195	1.536.974.550
Cộng	3.243.733.594	3.325.576.192

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2024	Phát sinh trong năm		01/01/2024
	<i>Giá trị (đồng thời là số có khả năng thanh toán)</i>	Tăng	Giảm	<i>Giá trị (đồng thời là số có khả năng thanh toán)</i>
	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn				
Nợ dài hạn đến hạn trả (<i>xem Thuyết minh b</i>)	10.307.480.000			5.307.480.000
b. Dài hạn				
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam				
Khu vực Cần Thơ - Phòng giao dịch Vĩnh Long (i)	18.576.436.636	-	5.307.480.000	23.883.916.636
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Vĩnh Long (ii)	38.741.311.000	37.006.676.000	-	1.734.635.000
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(10.307.480.000)			(5.307.480.000)
	47.010.267.636			20.311.071.636
Tổng cộng khoản vay	57.317.747.636	37.006.676.000	5.307.480.000	25.618.551.636

(i) Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Khu vực Cần Thơ - Phòng giao dịch Vĩnh Long để đầu tư hạng mục xây lắp, thiết bị cho dự án mở rộng hệ thống cấp nước với lãi suất 0,3%/năm, thời hạn vay 180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, đáo hạn vào tháng 3 năm 2028, thời gian ân hạn là 36 tháng. Số tiền vay được hoàn trả 6 tháng một lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (*xem chi tiết tại Thuyết minh số V.9*).

(ii) Khoản vay Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Vĩnh Long để đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy nước Vũng Liêm- tỉnh Vĩnh Long nâng công suất từ 3.000 m3/ngày lên 9.600 m3/ngày với lãi suất 7%/năm, thời hạn vay 10 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày nhận được khoản giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả 6 tháng một lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai của dự án theo hợp đồng thế chấp số 35/2023.HĐTC ngày 09 tháng 5 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trong vòng một năm	10.307.480.000	5.307.480.000
Trong năm thứ hai	10.307.480.000	7.042.115.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	22.961.476.636	13.268.956.636
Sau năm năm	13.741.311.000	-
	57.317.747.636	25.618.551.636
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(10.307.480.000)	(5.307.480.000)
Số phải trả sau 12 tháng	47.010.267.636	20.311.071.636

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	28.679.932.799	25.760.552.850
Trích lập quỹ trong năm	9.759.711.517	9.770.626.765
Thu tiền khen thưởng từ Sở nội vụ tỉnh Vĩnh Long	24.390.000	52.490.000
Sử dụng quỹ trong năm	(6.877.915.273)	(6.903.736.816)
Số dư cuối năm	31.586.119.043	28.679.932.799

19. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	15.726.481.944	19.192.397.604
Trích lập quỹ trong năm	2.467.752.967	2.622.708.741
Hoàn nhập quỹ trong năm	(6.893.301.588)	(6.088.624.401)
Số dư cuối năm	11.300.933.323	15.726.481.944

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	289.000.000.000	65.638.804.984	63.310.332.301	417.949.137.285
Lợi nhuận trong năm	-	-	80.923.758.916	80.923.758.916
Chia cổ tức	-	-	(28.900.000.000)	(28.900.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	24.277.127.675	(24.277.127.675)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9.770.626.765)	(9.770.626.765)
Tại ngày 01/01/2024	289.000.000.000	89.915.932.659	81.286.336.777	460.202.269.436
Lợi nhuận trong năm	-	-	73.099.741.890	73.099.741.890
Chia cổ tức	-	-	(46.875.800.000)	(46.875.800.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	21.929.922.567	(21.929.922.567)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9.759.711.517)	(9.759.711.517)
Tại ngày 31/12/2024	289.000.000.000	111.845.855.226	75.820.644.583	476.666.499.809

Công ty trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 27 tháng 6 năm 2024.

Chi tiết vốn chủ sở hữu

Tên cổ đông	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Số lượng Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Giá trị VND	Số lượng Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Giá trị VND
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Long	14.739.000	51,00%	147.390.000.000	14.739.000	51,00%	147.390.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp - Điện Biwase	9.725.862	33,65%	97.258.620.000	9.725.862	33,65%	97.258.620.000
Công ty Cổ phần nước và môi trường Đồng Bằng	1.445.000	5,00%	14.450.000.000	1.445.000	5,00%	14.450.000.000
Các cổ đông khác	2.990.138	10,35%	29.901.380.000	2.990.138	10,35%	29.901.380.000
Cộng	28.900.000	100%	289.000.000.000	28.900.000	100%	289.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	28.900.000	28.900.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	28.900.000	28.900.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.900.000	28.900.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.900.000	28.900.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.900.000	28.900.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

Cổ tức

Theo Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 27 tháng 6 năm 2024, cổ tức năm 2023 đã được phê duyệt với tỷ lệ là 16,22%, tương ứng 1.622 đồng/cổ phiếu đang lưu hành. Mức chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 dự kiến tối thiểu là 9% vốn điều lệ, trong năm Công ty đã chi cổ tức từ lợi nhuận của năm 2023 với tỷ lệ 16,22%. Tỷ lệ cổ tức chính thức của năm 2024 sẽ được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông thường niên của năm sau.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>Nợ khó đòi đã xử lý</i>		
Các khoản phải thu khách hàng	115.166.287	115.166.287

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2024 VND	2023 VND
Doanh thu kinh doanh nước sạch	176.948.814.624	172.024.536.759
Doanh thu kinh doanh nước uống đóng chai	5.949.777.752	5.692.678.456
Doanh thu xây lắp	4.630.153.805	9.043.654.108
Doanh thu từ hoạt động khác	7.729.211.053	233.241.339
Cộng	195.257.957.234	186.994.110.662
Hàng bán bị trả lại	(62.130.255)	-
Doanh thu thuần	195.195.826.979	186.994.110.662

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	2024 VND	2023 VND
Giá vốn kinh doanh nước sạch	55.471.848.827	53.218.917.624
Giá vốn kinh doanh nước uống đóng chai	4.785.988.230	4.700.153.784
Giá vốn xây lắp	3.690.137.120	7.883.737.031
Giá vốn của hoạt động khác	6.279.421.894	218.817.252
Cộng	70.227.396.071	66.021.625.691

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	13.771.265.284	17.411.237.346
Cổ tức được chia	2.463.000.000	2.216.000.000
Cộng	16.234.265.284	19.627.237.346

4. Chi phí bán hàng

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	2.689.607.581	2.828.189.585
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.208.298.589	13.821.768.394
Chi phí duy trì đầu nối, lắp đặt đồng hồ ống ngánh, thay thế đồng hồ đến hạn kiểm định và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	14.782.262.792	12.456.728.809
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.344.128.095	1.838.904.081
Cộng	34.024.297.057	30.945.590.869

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	14.484.488.880	15.223.699.229
Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ	2.467.752.967	2.622.708.741
Chi phí khấu hao tài sản cố định	869.085.372	1.027.004.549
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(265.163.750)	962.740.389
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	7.363.408.465	8.063.566.665
Cộng	24.919.571.934	27.899.719.573

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	2024	2023
	VND	VND
Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học và công nghệ các năm trước không sử dụng	6.893.301.588	6.088.624.401
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại	1.035.565.185	987.165.661
Thu hỗ trợ bồi thường	78.726.977	21.487.239
Các khoản thu nhập khác	18.735.642	74.499.972
Cộng	8.026.329.392	7.171.777.273

7. Chi phí khác

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ nhân viên thu phí bảo vệ môi trường	880.230.408	839.090.813
Chi phí thanh lý tài sản cố định	56.526.825	133.154.356
Các khoản chi phí khác	136.567.731	106.252.220
Cộng	1.073.324.964	1.078.497.389

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024			Năm 2023		
	Hoạt động kinh doanh nước sạch	Hoạt động khác	Tổng cộng	Hoạt động kinh doanh nước sạch	Hoạt động khác	Tổng cộng
Lợi nhuận kế toán trước thuế	65.825.008.543	23.322.093.162	89.147.101.705	66.657.365.072	21.109.652.211	87.767.017.283
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế						
Điều chỉnh thu nhập không chịu thuế	(6.893.301.588)	(2.463.000.000)	(9.356.301.588)	(6.088.624.401)	(2.216.000.000)	(8.304.624.401)
Chi phí không được trừ	421.488.983	24.509.973	445.998.956	292.391.036	93.733.198	386.124.234
Thu nhập chịu thuế	59.353.195.938	20.883.603.135	80.236.799.073	60.861.131.707	18.987.385.409	79.848.517.116
Chuyển lỗ	-	-	-	-	-	-
Thu nhập tính thuế	59.353.195.938	20.883.603.135	80.236.799.073	60.861.131.707	18.987.385.409	79.848.517.116
Thuế suất thông thường	20%	20%		10%	20%	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.870.639.188	4.176.720.627	16.047.359.815	6.086.113.171	3.797.477.081	9.883.590.252
Thuế TNDN được giảm do ưu đãi thuế	-	-	-	(3.043.056.586)	-	(3.043.056.586)
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung năm trước	-	-	-	2.724.701	-	2.724.701
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.870.639.188	4.176.720.627	16.047.359.815	3.045.781.286	3.797.477.081	6.843.258.367
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			16.047.359.815			6.843.258.367

Công ty được thành lập do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, theo đó Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch thuộc lĩnh vực xã hội hóa nhưng doanh nghiệp trước khi chuyển đổi chưa được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo lĩnh vực ưu đãi thuế nên được hưởng ưu đãi thuế như dự án đầu tư mới kể từ khi chuyển đổi, theo quy định tại tiết đ, khoản 3, điều 10 thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015. Cụ thể, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% thu nhập chịu thuế của hoạt động xã hội hóa trong suốt thời gian hoạt động, đồng thời công ty được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 5 năm tiếp theo kể từ khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp. Năm 2024, công ty không tính ưu đãi xã hội hóa do không đáp ứng đủ tiêu chí cán bộ chủ chốt theo quyết định 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	73.099.741.890	80.923.758.916
Trừ: Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng ban điều hành	(9.759.711.517)	(9.770.626.765)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	63.340.030.373	71.153.132.151
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	28.900.000	28.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.192	2.462

Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo tài chính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.362.885.081	46.860.319.306
Chi phí nhân công	38.260.262.838	37.717.413.194
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.330.032.534	24.392.173.258
Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	2.467.752.967	2.622.708.741
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.785.661.449	2.479.707.740
Chi phí khác	8.964.670.193	10.794.613.894
Cộng	129.171.265.062	124.866.936.133

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh nước sạch; thi công lắp đặt hệ thống cấp nước; sản xuất nước đóng chai; mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp nước. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày là liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh nêu trên. Theo đó, không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cần phải trình bày. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số VI.1 và VI.2.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh trong địa bàn tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Hợp đồng thuê hoạt động

Công ty đang thực hiện hợp đồng thuê đất số 29/HD-TD tại phường 2, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất kinh doanh. Thời hạn thuê đất kể từ ngày 19 tháng 10 năm 2007 đến ngày 01 tháng 01 năm 2046. Tổng diện tích khu đất thuê là 1.083,5 m², trong đó bao gồm 500 m² diện tích được miễn tiền thuê đất.

Theo đó, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Đơn giá tính tiền thuê đất sẽ được xác định và điều chỉnh lại theo từng thời kỳ dựa theo các quy định của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Ngoài ra, Công ty còn thực hiện thuê đất của Nhà nước tại các địa điểm khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long với tổng diện tích đất thuê là 59.383 m² để sử dụng cho mục đích sản xuất kinh doanh nước sạch thuộc đối tượng được miễn tiền thuê đất.

3. Bên liên quan

Bên liên quan

Ủy ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Long
Công ty Cổ phần Xây lắp - Điện Biwase
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Bình Tân
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Cửu Long

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Công ty liên kết
Công ty liên kết

Chi tiết các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm:

	2024 VND	2023 VND
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Bình Tân		
Cổ tức được chia	1.500.000.000	1.250.000.000
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Cửu Long		
Chi phí mua nước sạch	7.553.375.700	7.467.548.400
Cổ tức được chia	900.000.000	900.000.000
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Long		
Chi trả cổ tức	23.906.658.000	14.739.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp - Điện Biwase		
Chi trả cổ tức	15.775.348.164	9.725.862.000

Số dư chủ yếu với bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Cửu Long	662.378.535	619.839.675

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Bên liên quan (tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm:

		2024 VND	2023 VND	
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác		2.644.533.773	3.252.085.486	
Năm 2024				
Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương VND	Thù lao VND	Tổng cộng VND
Hội đồng Quản trị		536.931.746	216.000.000	752.931.746
Ông Đặng Tấn Chiến	Chủ tịch	536.931.746	-	536.931.746
Bà Lê Thị Quyên	Thành viên HĐQT	-	72.000.000	72.000.000
Ông Văn Kim Hùng Phong	Thành viên HĐQT	-	72.000.000	72.000.000
Ông Trần Tấn Đức	Thành viên HĐQT	-	72.000.000	72.000.000
Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác		1.342.329.364	-	1.342.329.364
Ông Nguyễn Quốc Đạt	Phó Tổng Giám đốc	462.357.892	-	462.357.892
Ông Lương Minh Triết	Phó Tổng Giám đốc	462.357.892	-	462.357.892
Ông Lê Văn Thắng	Kế toán trưởng	417.613.580	-	417.613.580
Ban kiểm soát		477.272.663	72.000.000	549.272.663
Bà Bùi Thiện Ngọc Minh	Trưởng ban	477.272.663	-	477.272.663
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhưng	Thành viên	-	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Hữu Bình	Thành viên	-	48.000.000	48.000.000
Cộng		2.356.533.773	288.000.000	2.644.533.773

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Bên liên quan (tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm (tiếp theo)

Năm 2023

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương VND	Thù lao VND	Tổng cộng VND
Hội đồng Quản trị		534.979.676	288.000.000	822.979.676
Ông Đặng Tấn Chiến	Chủ tịch	534.979.676	-	534.979.676
Ông Nguyễn Tấn Phát	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	72.000.000	72.000.000
Bà Lê Thị Quyên	Thành viên HĐQT	-	72.000.000	72.000.000
Ông Văn Kim Hùng Phong	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Trần Tấn Đức	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Đặng Thanh Bình	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Trường Ảnh	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác		1.857.568.320	-	1.857.568.320
Ông Nguyễn Tấn Phát	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	520.119.130	-	520.119.130
Ông Nguyễn Quốc Đạt	Phó Tổng Giám đốc	460.676.943	-	460.676.943
Ông Lương Minh Triết	Phó Tổng Giám đốc	460.676.943	-	460.676.943
Ông Lê Văn Thắng	Kế toán trưởng	416.095.304	-	416.095.304
Ban kiểm soát		475.537.490	96.000.000	571.537.490
Bà Bùi Thiện Ngọc Minh	Trưởng ban	475.537.490	-	475.537.490
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhưng	Thành viên	-	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Hữu Bình	Thành viên	-	24.000.000	24.000.000
Bà Trần Thị Thu Hà	Thành viên	-	24.000.000	24.000.000
Cộng		2.868.085.486	384.000.000	3.252.085.486

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

5. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các báo cáo tài chính.

Nguyễn Thị Phương Minh
Người lập biểu

Lê Văn Thắng
Kế toán trưởng

Đặng Tấn Chiến
Chủ tịch

Ngày 19 tháng 3 năm 2025